

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09-DN

I. BẮC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà tặng ALV được đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 21 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.
Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018.

• Vốn điều lệ

: 56.579.360.000 VND

Số cổ phiếu

: 5.657.936 cổ phiếu

Mệnh giá

: 10.000VND/cổ phần

• Trữ sở hoạt động

Địa chỉ

: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại

: (84- 0236) 6514.288

Fax

: (84- 0236) 6514.288

Mã số thuế

: 3300529819

Website

: www.khoangsanaluoi.com.vn

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, sản xuất, xây lắp, thương mại.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn mây móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn tổng hợp;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê xe có động cơ;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

- Lắp đặt hệ thống điện;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;

- Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;

- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Cầu trục doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Edico có trụ sở tại địa chỉ: Số 41 Tạ Hiện, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất bê tông nhựa nóng, kinh doanh vật liệu xây dựng. Vốn điều lệ của Công ty con tại ngày 31/12/2017 là 23.000.000.000 VND, vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 tính theo mệnh giá là 12.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 54,3% vốn điều lệ. Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã tiến hành thoái vốn tại Công ty cổ phần Edico.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 26.479.360.000 VND lên 51.479.360.000 VND bằng việc bổ sung vốn điều lệ từ 25.000.000.000 VND. Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty con là Công ty Cổ phần Edico là 15.000.000.000 VND, nâng tổng số vốn đầu tư tại ngày 05 tháng 01 năm 2018 là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Edico theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-DHĐCB ngày 19 tháng 8 năm 2017. Từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần Edico là 24.500.000.000 VND chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Edico theo Nghị quyết số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018. Sau đó, Công ty tiến hành thoái vốn toàn bộ tại Công ty con là Công ty Cổ phần Edico theo Nghị quyết số 04/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018, đồng thời rút toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Edico vào ngày 28 tháng 12 năm 2018. Cùng tại ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty tiến hành chuyển 45.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Bạch Đằng xi măng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018.

6. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phân ánh lỗ 7.220.902.099 VND so với lợi nhuận đạt được trong năm trước là 6.312.157.999 VND, nguyên nhân chủ yếu từ việc trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và sự sụt giảm của doanh thu trong năm. Cụ thể, trong năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu qua hạn, không có khả năng thu hồi với số tiền là 7.274.605.261 VND. Bên cạnh đó, doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 chỉ đạt 8.205.451.738 VND giảm 88% so với kỳ kế toán năm trước trong cùng năm 60.127.745.769 VND. Đây là doanh thu cùng cấp đã, vẫn chuyển cho các công ty có liên quan, Công ty không có hợp đồng thi công xây dựng trong năm 2018.

Ngៅ ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 2.945.503.163 VND.

Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc tính bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến đáo hạn, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày lập Báo cáo tài chính.

5.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Có tức được nhận bằng có phiếu chi được theo dõi số lượng có phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị có phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ do đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, cần trừ vào giá trị tài sản thu hồi được kể toàn ghi giảm số vốn đã góp.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn cứ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lãi, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn trong tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh công chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

2 - 10

10

Máy móc thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp để sử dụng, bao gồm: tiền chi trả để có quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 547811 có xác nhận nội dung thay đổi cơ sở pháp lý ngày 08 tháng 6 năm 2017 do văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập, chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong tương ứng với thời gian cấp phép. Các chi phí trả trước dài hạn trong khoảng thời gian trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Các chi phí trả trước dài hạn thể hiện:

- Chi phí khai thác và lệ phí cấp phép khai thác mỏ đã được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong tương ứng với thời gian cấp phép.

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- Phải trả khác phần ảnh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCB,....

12. Vốn chủ sở hữu và phần phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phần phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, dem lãi phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lãi) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi phí thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế hiện hành của Việt Nam và thuế tiêu thụ giá trị gia tăng được tính trên tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tiếp tục được vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập hoãn lại theo các khoản chênh lệch tạm tính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm tính còn lại sản phẩm thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm tính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được tính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp hoãn thuế do có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho đầu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt	31/12/2018
15.434.483	31/12/2017
90.181.790	2.061.711.968
105.616.273	3.232.760.792

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần EDICO	0
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại	0
HM	0
Công ty TNHH Hưng Mỹ Thịnh	0
Công ty CP Đầu tư Xây lắp khí IMICO	0
Công ty TNHH Trung Thành Đà Nẵng	0
Cộng	0

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (i)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Bảo Khoa	5.100.000.000	1.540.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco (i)	7.814.066.945	-
Công ty TNHH Tâm Thịnh Tiến	3.151.000.000	5.151.000.000
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ và sản xuất	3.000.000.000	-
Sông Ranh	7.000.000.000	-
Công ty CP xây lắp thiết bị TH Việt	-	2.055.000.000
Công ty TNHH xây dựng BVT	-	4.581.000.000
Công ty TNHH MTV DV-TM Hào Thành Tâm	1.255.688.465	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đối tượng khác	Cộng	Trả trước cho người bán là các bên liên quan
1.542.375.240	28.863.130.650	7.814.066.945
754.655.240	14.081.655.240	-

4. Phải thu khác

31/12/2018	Giá trị Dự phòng	31/12/2017	Giá trị Dự phòng
a) Ngân hàng			
8.757.202.000	-	5.563.607.102	-
b) Đại hạn			
Cho vay (i)			
8.202.280.000	-	2.335.610.366	-
Tạm ứng nhân viên			
554.922.000	-	2.054.922.000	-
45.000.000.000	-	-	-
Cộng			
53.757.202.000	-	5.563.607.102	-

(i) Công ty cho Ông Lưu Anh Tuấn vay theo hợp đồng vay vốn số 09/2018/HĐVV ngày 27 tháng 12 năm 2018, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Đến ngày 31/12/2018, số dư đối với Ông Lưu Anh Tuấn là 7.000.000.000 VND.

Công ty cho Bà Nguyễn Thị Oanh vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 31 tháng 12 năm 2018, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Đến ngày 31/12/2018, số dư đối với Bà Nguyễn Thị Oanh là 1.202.280.000 VND.

(ii) Công ty chuyển tiền hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Xi măng Bạch Đằng theo Hợp đồng số 28.12/2018/BCC/BD-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018, thời hạn 15 năm kể từ ngày góp vốn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

8. Tài sản cố định hữu hình

Kh khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Công
Nguyên giá	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
01/01/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Gia trị hao mòn lũy kế	2.003.995.603	324.000.000	2.327.995.603
01/01/2018	2.003.995.603	324.000.000	2.327.995.603
Tăng trong năm	971.978.364	36.000.000	1.007.978.364
Khấu hao trong năm	971.978.364	36.000.000	1.007.978.364
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	2.975.973.967	360.000.000	3.335.973.967
Gia trị còn lại	5.666.175.946	36.000.000	5.702.175.946
01/01/2018	5.666.175.946	36.000.000	5.702.175.946
31/12/2018	4.694.197.582	-	4.694.197.582
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng :			
01/01/2018	508.180.125	-	508.180.125
31/12/2018	958.180.125	360.000.000	1.318.180.125

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Công
Nguyên giá	4.500.000.000	4.500.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	4.500.000.000	4.500.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	-	-
Tăng trong năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	-	-
Giá trị còn lại		
01/01/2018	4.500.000.000	4.500.000.000
31/12/2018	4.500.000.000	4.500.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất theo Quyết định số CA 547811 do Phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc sử dụng lô đất diện tích 300m² đất ở tại khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao. Tài sản này được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Edico tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Sông Hàn theo Hợp đồng thế chấp số 10200 ngày 22 tháng 11 năm 2017. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán viên chưa nhận được hồ sơ thế chấp tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018				31/12/2017			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Edico	-	-	-		11.413.043.478	-	-	
Cộng	-	-	-		11.413.043.478	-	-	

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Edico số tiền là : 12.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 06/ALV/NQ - HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV (tên cũ là Công ty CP Khoáng sản Vina A Lưới). Trong năm 2017, Công ty ghi nhận giảm giá trị đầu tư tương ứng với khoản cổ tức nhận được trước ngày đầu tư với số tiền là 1.086.956.522 VND theo Nghị quyết số 01/2017/EDICO/NQ-EHDCD ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần Edico là 15.000.000.000 VND, nâng tổng số vốn đầu tư tại ngày 05 tháng 01 năm 2018 là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Edico.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thoả vốn toàn bộ khoản đầu tư này theo Quyết định số 04/2018/ ALV/NQ - HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV.

Kết quả thoái vốn như sau :

Tổng giá trị cổ phần	: 27.500.000.000 VND
Tổng giá trị đầu tư	: 26.413.043.478 VND
Lãi	: 1.086.956.522 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH xây dựng BVT	1.556.379.000	1.556.379.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	415.391.000	415.391.000	415.391.000	415.391.000
Công ty Cổ phần EDICO			9.844.687.325	9.844.687.325
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco			2.605.386.325	2.605.386.325
Công ty TNHH tư vấn xây dựng và Thương mại HM	74.265.625	74.265.625	700.875.625	700.875.625
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Tổng hợp Truong	2.191.230.638	2.191.230.638	2.178.586.888	2.178.586.888
MTV Kim Chung Phát	839.044.649	839.044.649	735.526.146	735.526.146
Công ty TNHH Mai Ngọc Anh	1.401.157.500	1.401.157.500	1.431.027.500	1.431.027.500
Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hiếu	419.340.455	419.340.455	419.340.455	419.340.455
Công ty TNHH nhuà đường PUMA ENERGY			791.670.000	791.670.000
Việt Nam Công ty TNHH Cường Tiến Minh	953.623.000	953.623.000	953.623.000	953.623.000
Công ty TNHH dịch vụ Hùng Tiến	572.808.027	572.808.027	572.808.027	572.808.027
Công ty TNHH TMĐV Vận tải Tuấn Phát	2.165.501.900	2.165.501.900	2.215.501.900	2.215.501.900
Khách hàng khác	1.930.281.338	2.343.322.826	3.224.572.348	3.224.572.348
	13.399.360.172	24.266.065.512	26.088.996.539	26.088.996.539

Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Edico

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Dầu tư Viaco

- 9.844.687.325
- 2.605.386.325

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31/12/2018	Số có khã	Gia trị	năng trả nợ
31/12/2017	Số có khã	Gia trị	năng trả nợ
			12.450.073,650
			-

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Dầu từ Visaco
 Công ty Cổ phần Việt Trung
 Công ty TNHH Khoáng sản Phú Lâm
 Công

31/12/2018	825,495,349	600,000,000	836,877,769	2,262,373,118
31/12/2017	6,542,104,659	600,000,000	836,877,769	7,978,982,428

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

825,495,349	6,542,104,659
31/12/2018	31/12/2017

Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.135.660.721	-	187.825.739	1.947.834.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.912.165.152	-	275.399.664	1.636.765.488
Thuế thu nhập cá nhân	239.883.300	-	9.600.000	230.283.300
Các loại thuế khác	1.124.701.331	328.907.908	127.174.597	1.326.434.642
-Thuế khác	664.281.648			664.281.648
-Tiền chậm nộp thuế	460.419.683	328.907.908	127.174.597	662.152.994
Công	5.412.410.504	328.907.908	600.000.000	5.141.318.412

• *Thuyết giá trị gia tăng*

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
 - Thuế suất áp dụng:
 - + Hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu chịu thuế suất 0%
 - + Hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong nước chịu thuế suất 10%
- Các loại thuế khác*

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Trích trước chi phí các công trình	1.283.632.717	1.492.632.717
Chi phí kiểm toán	190.909.091	27.272.727
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác mỏ	1.660.704.120	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trích trước chi phí khác		Cộng	
31/12/2018	59.227.273	3.194.473.201	1.519.905.444
31/12/2017			
15. Phải trả khác ngắn hạn			
Bảo hiểm xã hội	86.193.849		42.741.849
Bảo hiểm y tế	23.396.946		15.728.946
Bảo hiểm thất nghiệp	17.801.488		14.393.488
Cổ tức phải trả	65.851.263		65.851.263
Cộng	193.243.546		138.715.546
Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán	65.851.263		65.851.263
Cộng			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	11.061.000.000	-	26.261.000.000	15.200.000.000	-	-
Cộng	11.061.000.000	-	26.261.000.000	15.200.000.000	-	-

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 0241/00518/HMTĐC-PN ngày 19 tháng 03 năm 2018, hạn mức tính dụng là 11.300.000.000 VND. thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng khế ước nhân nợ. Công ty đã sử dụng 16 đất tại Lô 1413 KDC Tây Nam Hòa Cường, phường. Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 281874 vào sổ cấp GCN QSD CH00352 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2010 để thế chấp cho khoản vay này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Số cuối năm
------------	--------------------------------	---------------------------	-------------

Năm 2017
Quỹ khen thưởng
Cộng

143.805.187	255.807.929	(239.750.000)	159.863.116
143.805.187	255.807.929	(239.750.000)	159.863.116

Năm 2018
Quỹ khen thưởng
Cộng

159.863.116	-	(93.500.000)	66.363.116
159.863.116	-	(93.500.000)	66.363.116

Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.18

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và kỳ kế toán trước:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	30.079.360.000	(17.000.000)	292.764.795	6.100.778.819
Tăng (giảm) vốn trong năm trước	1.500.000.000	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	6.312.157.999
Trích lập các quỹ	-	-	122.942.920	(378.750.849)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.511.904.000)
31/12/2017	31.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	5.729.517.174
01/01/2018	31.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	5.729.517.174
Tăng (giảm) vốn trong năm nay	25.000.000.000	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	407.825.392
31/12/2018	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	6.137.342.566

Năm 2017, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo từ trình số 03/2017/TT-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2017 trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 và năm 2016.

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND, số lượng cổ phiếu tăng thêm là 2.500.000 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-DHĐCB ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017. Công ty đã có Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 04 tháng 01 năm 2018, về

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

việc hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược vào ngày 04 tháng 01 năm 2018 với tổng tiền thu từ đợt chào bán cổ phiếu là 25.000.000.000 VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Công ty chưa tiến hành Đại hội cổ đông năm 2018.

Chi Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, vốn điều lệ của Công ty là 56.579.360.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	31/12/2018	31/12/2017
Công	56.579.360.000	31.579.360.000
Vốn góp của cổ đông	56.579.360.000	31.579.360.000
	VND	VND

Cổ phần

Số lượng cổ phần đang ký phát hành	5.657.936	3.157.936
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.	-	-

Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo tờ trình số 03/2017/TT-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2017 trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 và năm 2016:

Cổ đông	Năm 2018	Năm 2017
Chia cổ tức	-	4.511.904.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	122.942.920
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	255.807.929
	-	4.890.553.849

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính